

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-11-2021.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Thái Văn Lộc và bà Nguyễn Thị Kim Linh.

Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Thanh Hải – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2021/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị **Hà Thị Thu L**, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn: anh **Trần Văn C**, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Trần Quang T, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Hà Thị Thu L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh Trần Văn C chung sống với nhau từ năm 2011 và đăng ký kết hôn năm 2012, tại ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị và anh C chung sống hạnh phúc đến năm 2020

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, anh C thường xuyên cờ bạc không lo lắng cho gia đình và còn hành hung, đánh đập chị. Nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C.

Về con chung: chị và anh C có với nhau 02 con chung: Q, sinh ngày 29-9-2012 và D, sinh ngày 22-6-2019; sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị thừa nhận chị và anh C có vay của anh Trần Quang T, sinh năm 1987; địa chỉ: khu phố 3, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh số tiền là 120.000.000 đồng; mục đích vay là để làm ăn. Chị L đã thương lượng với anh T về khoản nợ này và anh T cũng chưa yêu cầu chị và anh C trả nợ nên chị không yêu cầu giải quyết nợ chung, nếu sau này các bên có tranh chấp với nhau thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Bị đơn- anh Trần Văn C, tại bản tự khai ngày 20-5-2021 trình bày: anh và chị L chung sống với nhau từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn năm 2012 tại ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh và chị L chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do làm ăn thất bại, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Chị L yêu cầu ly hôn với anh, anh thấy vợ chồng không thể hàn gắn được nên đồng ý ly hôn.

Con chung: có 02 con chung: Q, sinh ngày 29-9-2012 và D, sinh ngày 22-6-2019. Anh C đồng ý giao con chung là D cho chị L nuôi dưỡng sau khi ly hôn, còn Q theo ai thì người đó nuôi dưỡng, người kia không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: vợ chồng anh nợ của anh Trần Quang T số tiền là 120.000.000 đồng; khi ly hôn, anh yêu cầu chia đôi nợ chung, anh và chị L, mỗi người có trách nhiệm trả một nửa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- anh Trần Quang T, tại biên bản ghi lời khai ngày 22-6-2021 trình bày: anh và anh C là bạn bè với nhau. Trước đây, anh có cho chị L và anh C vay số tiền 120.000.000 đồng. Khi vay tiền, chị L và anh C nói vay tiền để mua bán hạt điều. Đến ngày 25-01-2021, chị L và anh C có ký giấy nhận nợ số tiền là 120.000.000 đồng và hẹn trong vòng 3 tháng sẽ trả tiền. Nay chị L và anh C ly hôn với nhau, anh không yêu cầu chị L và anh C trả nợ trong vụ án này. Anh, chị L và anh C sẽ thương lượng việc trả nợ, nếu sau này có xảy ra tranh chấp thì anh sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: trong quá trình thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quyền

và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tổ tụng dân sự; nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh C đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, anh C cũng đồng ý ly hôn với chị L nên Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về việc ly hôn với anh C; về con chung: chị L yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, anh C đồng ý giao cháu Duyên cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Q có nguyện vọng sống với chị L. Do đó, cần giao 02 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Tài sản chung: do các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết;

Nợ chung: chị L và anh C nợ anh T số tiền 120.000.000. anh T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* bị đơn, anh Trần Văn C có nơi cư trú tại: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Về thủ tục tố tụng: chị L và anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh C và anh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị L và anh C chung sống với nhau từ năm 2011 và đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, chị L và anh C có phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau và anh C cũng đồng ý ly hôn như chị L yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh C theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[3] *Về con chung:* chị L và anh C thống nhất theo nguyện vọng của cháu Q, sinh ngày 29-9-2012 sống chung với chị L và cháu D, sinh ngày 22-6-2019 giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy giao 02 con chung cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

[4] *Về tài sản chung*: chị L và anh C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị L và anh C thừa nhận có nợ của anh Trần Quang T số tiền là 120.000.000 đồng. Do anh T chưa yêu cầu trả nợ nên chị L không yêu cầu giải quyết nợ chung; anh C yêu cầu chia đôi nợ chung nhưng nhiều lần vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn không yêu cầu giải quyết; nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự thỏa thuận với nhau về số nợ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập; bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nợ chung, khi nào có tranh chấp giải quyết bằng vụ án khác.

[6] *Về án phí*: chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 55, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Thu L và anh Trần Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Hà Thị Thu L và anh Trần Văn C thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng 02 con chung tên là Q, sinh ngày 29-9-2012 và D, sinh ngày 22-6-2019; Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu; anh C được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: chị L và anh C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào có tranh chấp giải quyết bằng vụ án khác.

5. Về án phí: chị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007349 ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Cơ quan cấp GCNKH;
- Lưu

Nguyễn Quốc Hùng